

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuyển giao tài sản công là cơ sở nhà, đất
về UBND các xã, phường quản lý, xử lý**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất; số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Kết luận số 238-KL/TU ngày 11/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 11405/TTr-STC ngày 25/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao tài sản công là cơ sở nhà, đất về UBND các xã, phường quản lý, xử lý.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Lý do chuyển giao: Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng không còn nhu cầu sử dụng tài sản; chuyển giao tài sản về UBND các xã, phường có nhu cầu tiếp nhận để quản lý, xử lý theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, hạn chế lãng phí.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, các đơn vị có tài sản chuyển giao, các đơn vị tiếp nhận tài sản chuyển giao chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của thông tin, số liệu tài sản, nội dung báo cáo, thẩm định, trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, các đơn vị có tài sản chuyển giao, các đơn vị tiếp nhận tài sản chuyển giao thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định.

3. Các đơn vị được tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

a) Theo dõi, tính hao mòn, khấu hao đối với tài sản nhận chuyển giao; rà soát hồ sơ, bổ sung thông tin nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản vào sổ kế toán, trường hợp không lưu giữ đầy đủ thông tin thì thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản theo quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC; thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

b) Tổ chức quản lý, xử lý tài sản công theo quy định; chủ động xây dựng phương án khai thác cụ thể, gắn với mục tiêu phát triển y tế, giáo dục, văn hóa, đô thị và các công trình công cộng; không để xảy ra tình trạng tài sản công bỏ trống, xuống cấp, lãng phí hoặc sử dụng sai mục đích; lập kế hoạch xử lý đối với tài sản không có nhu cầu sử dụng, tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý tài sản theo quy định.

4. Các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận, quản lý, xử lý tài sản công và các nội dung công việc liên quan theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND các xã, phường: Thiệu Tiến, Quảng Yên, Hoạt Giang, Lĩnh Toại, Thường Xuân, Tống Sơn, Thắng Lộc, Tân Thành, Giao An, Xuân Chinh, Đồng Lương, Hà Trung, Yên Khương, Quảng Phú; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

Phụ lục
DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG CHUYỂN GIAO
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
(1)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Thiệu Tiến					
I	Trường Mầm non khu 1 (xã Thiệu Vũ cũ)					
1	Đất	m ²	2.998	2001	1.798.800.000	1.798.800.000
2	Nhà	m ²	165	2001	1.137.237.000	0
II	Trường Mầm non khu 2 (xã Thiệu Vũ cũ)					
1	Đất	m ²	1.926	2001	1.155.600.000	1.155.600.000
2	Nhà	m ²	185	2001	350.000.000	0
(2)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Quảng Yên					
I	Trụ sở UBND xã Quảng Long (cũ)					
1	Đất	m ²	3.192	2000	3.172.500.000	3.172.500.000
2	Nhà 02 tầng	m ²	684	2000	300.000.000	0
3	Nhà 01 tầng 6 phòng	m ²	181	2015	1.111.208.000	295.914.690
(3)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Hoạt Giang					
I	Nhà trẻ thôn Vân Hưng					
1	Đất	m ²	475	1998	712.650.000	712.650.000
2	Nhà	m ²	54	1998	26.000.000	0
II	Trụ sở xã Hà Dương cũ (phía sông Hoạt)					
1	Đất	m ²	307	2017	1.532.500.000	1.532.500.000
2	Nhà	m ²	123	2017	394.288.000	157.596.913

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
III	Trường Mầm non Hà Bình (khu Nội Thượng)					
1	Đất	m ²	1.117	2010	2.793.000.000	2.793.000.000
2	Nhà	m ²	442	2010	1.091.598.000	0
(4)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Lĩnh Toại					
I	Trường Mầm non xã Hà Thái (cũ)					
1	Đất	m ²	883	1980	706.080.000	706.080.000
2	Nhà	m ²	162	1980		0
3	Nhà tình nghĩa	m ²	41	1980		0
(5)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Tống Sơn					
I	Trường Mầm non (thôn Thanh Xá 1, xã Hà Lĩnh cũ)					
1	Đất	m ²	2.109	2008	5.273.250.000	5.273.250.000
2	Nhà	m ²	600	2008	1.672.310.000	0
II	Trường Mầm non (thôn Tiên Hòa 1, xã Hà Lĩnh cũ)					
1	Đất	m ²	1.188	2016	1.781.400.000	1.781.400.000
2	Nhà	m ²	601	2016	2.891.537.235	1.449.415.503
III	Trường Tiểu học (thôn Thanh Xá 2, xã Hà Lĩnh cũ)					
1	Đất	m ²	3.934	2006	5.901.450.000	5.901.450.000
IV	Trường Tiểu học 1 (thôn Thanh Xá 1, xã Hà Lĩnh cũ)					
1	Đất	m ²	3.086	2006	7.715.250.000	7.715.250.000
V	Trường Tiểu học 2 (thôn Thọ Lộc, xã Hà Lĩnh cũ)					
1	Đất	m ²	5.476	2006	8.213.550.000	8.213.550.000
(6)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Thắng Lộc					
I	Trường Mầm non Thôn Đót					

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Đất	m ²	1.204	2008	509.600.000	509.600.000
2	Nhà	m ²	176	2004	270.013.000	0
II	Trường Tiểu học thôn Chiềng					
1	Đất	m ²	1.146	2006	137.520.000	137.520.000
2	Nhà	m ²	75	2006	223.754.000	0
III	Trường Tiểu học thôn Quế					
1	Đất	m ²	2.137	2006	213.700.000	213.700.000
2	Nhà	m ²	75	2006	141.290.000	0
(7)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Tân Thành					
I	Trường Mầm non Thành Thượng					
1	Đất	m ²	478	2004	93.600.000	93.600.000
2	Nhà	m ²	123	2004	269.882.000	0
II	Trường Mầm non Thành Sơn					
1	Đất	m ²	356	2006	191.400.000	191.400.000
2	Nhà	m ²	103	2006	269.882.000	0
III	Trường Mầm non thôn Thành Hạ					
1	Đất	m ²	356	2004	99.000.000	99.000.000
2	Nhà	m ²	103	2004	269.882.000	0
IV	Trường Mầm non Luận Khê (khu Mơ Thắm)					
1	Đất	m ²	923	2005	26.208.000	26.208.000
2	Nhà	m ²	236	2005	539.888.000	0
V	Trường Mầm non Luận Khê (thôn Chiềng)					
1	Đất	m ²	1.552	2009	751.958.000	751.958.000

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
2	Nhà	m ²	204	2009	539.403.000	0
VI	Trường Mầm non Luận Khê (thôn Hún)					
1	Đất	m ²	704	2009	135.000.000	135.000.000
2	Nhà	m ²	238	2009	542.169.500	0
VII	Trường Tiểu học Tân Thành 2 (thôn Thành Sơn)					
1	Đất	m ²	1.279	2003	294.170.000	294.170.000
2	Nhà	m ²	174	2003		0
VIII	Trường Tiểu học Tân Thành 2 (thôn Thành Lợp)					
1	Đất	m ²	367	2000	77.400.000	77.400.000
2	Nhà	m ²	58	2000		0
IX	Trường Tiểu học Luận Khê 1 (thôn Hún)					
1	Đất	m ²	2.480	2005	824.310.000	824.310.000
2	Nhà	m ²	234	2005	147.603.800	0
X	Trường Tiểu học Luận Khê 1 (thôn Mơ Thắm)					
1	Đất	m ²	678	2010	478.170.000	478.170.000
2	Nhà	m ²	114	2010	249.310.700	0
(8)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Thường Xuân					
I	Công sở xã Xuân Cẩm (cũ)					
1	Đất					
1.1	Đất Trụ sở UBND xã Xuân Cẩm (cũ)	m ²	2.358	1990	18.864.000.000	18.864.000.000
1.2	Đất Nhà hội trường TTVHTT	m ²	4.701	2014	11.751.750.000	11.751.750.000
2	Nhà					
2.1	Khu Nhà làm việc Công sở xã Xuân Cẩm (cũ)	m ²	247	1990	1.741.974.000	126.033.840

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
2.2	Nhà hội trường TTVHTT	m ²	373	2014	3.355.698.000	2.236.572.717
II	Trụ sở UBND thị trấn Thường Xuân cũ					
1	Đất	m ²	1.796	2006	43.113.600.000	43.113.600.000
2	Nhà	m ²	715	2005	724.295.000	0
III	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Thường Xuân (cũ)					
1	Đất	m ²	3.486	2007	70.460.000.000	70.460.000.000
2	Nhà	m ²	1.018	2007		0
IV	Công sở xã Xuân Dương cũ (vị trí giáp quốc lộ 47, khu nhà đoàn thể)					
1	Đất	m ²	1.208	2008	2.899.200.000	2.899.200.000
2	Nhà	m ²	107	2008		0
V	Công sở xã Thọ Thanh (cũ)					
1	Đất	m ²	3.318	2020	1.659.000.000	1.659.000.000
2	Nhà	m ²	834	2020	10.823.799.000	8.471.600.000
VI	Trường Tiểu học Xuân Dương (phòng lớp học khu lẻ thôn Vụ Bản)					
1	Đất	m ²	453	2008	153.952.000	153.952.000
2	Nhà	m ²	134	2008		0
VII	Trường Tiểu học Ngọc Phụng 1 (điểm trường thôn Hưng Long)					
1	Đất	m ²	2.215	2006	886.000.000	886.000.000
2	Nhà	m ²	377	2006		0
VIII	Trường Mầm non Xuân Dương (khu lẻ Trường Mầm Non Xuân Thịnh)					

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Đất	m ²	90	2007	30.532.000	30.532.000
2	Nhà	m ²	90	2007		0
IX	Trường Tiểu học Xuân Cẩm (khu lẻ thôn Xuân Minh)					
1	Đất	m ²	2.278	2008	1.139.000.000	1.139.000.000
2	Nhà	m ²	250	2008	343.876.000	0
X	Trường Tiểu học Xuân Cẩm (khu lẻ thôn Tiến Sơn 1)					
1	Đất	m ²	906	2006	452.900.000	452.900.000
2	Nhà	m ²	168	2006	406.439.040	0
XI	Trường Mầm non Ngọc Phụng (khu lẻ thôn Phú Vinh)					
1	Đất	m ²	1.688	2007	529.720.000	529.720.000
2	Nhà	m ²	215	2007		0
XII	Trường Mầm non Xuân Cẩm (điểm trường thôn Xuân Minh)					
1	Đất	m ²		2006	412.000.000	412.000.000
2	Nhà	m ²	264	2006		0
XIII	Trường Mầm Non Xuân Cẩm (điểm trường khu Thanh Xuân)					
1	Đất	m ²	694	2008	347.200.000	347.200.000
2	Nhà	m ²		2008		0
XIV	Trường Mầm Non Xuân Cẩm (điểm trường thôn Xuân Quang)					

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Đất	m ²	1.077	2008	538.500.000	538.500.000
2	Nhà	m ²		2008		0
XV	Trường Mầm Non Xuân Cẩm (điểm trường khu Tiến Sơn 1)					
1	Đất	m ²	622	2007	311.000.000	311.000.000
2	Nhà	m ²	192	2007		0
XVI	Trạm Bảo vệ Thực vật					
1	Đất	m ²	1.159	2019	3.477.000.000	3.477.000.000
2	Nhà	m ²	270	2019	2.922.708.000	1.168.206.384
XVII	Đất Trạm Kiểm lâm Vững Láu (Thôn Tiến Sơn 1)					
1	Đất	m ²	296	2008	1.184.000.000	
2	Nhà	m ²	160	2018	931.238.000	162.164.243
XVIII	Đất chợ xã Thọ Thanh (cũ)	m ²	1.243	2015	2.486.000.000	2.486.000.000
XIX	Trạm Khuyến nông huyện (cũ)					
1	Đất	m ²	1.050	2019	3.150.000.000	3.150.000.000
2	Nhà	m ²	320	2019	2.410.235.256	1.349.731.743
XX	Trung tâm Văn hóa, TTTT & DL					
1	Đất	m ²	1.996	2009	38.323.200.000	38.323.200.000
2	Nhà	m ²	580	1989	437.600.000	0
XXI	Trung tâm Văn hóa, TTTT & DL (Chi cục thuế huyện cũ, Thư viện huyện)					
1	Đất	m ²	1.000	1994	20.000.000.000	20.000.000.000
2	Nhà	m ²	623	2009	576.800.000	0

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
(9)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Giao An					
I	Điểm Trường Mầm non Giao Thiện (Khu Khu 2)					
1	Đất	m ²	1.092	2013	272.975.000	272.975.000
2	Nhà	m ²	186	2013	450.000.000	59.805.000
(10)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Đồng Lương					
I	Trụ sở UBND xã Đồng Lương (cũ)					
1	Đất	m ²	3.300		7.755.000.000	7.755.000.000
2	Nhà	m ²	84			
II	Trường Mầm non Đồng Lương khu Nê (cũ)					
1	Đất	m ²	181	1986	5.920.000	5.920.000
2	Nhà	m ²	90	1989		0
(11)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Xuân Chinh					
I	Trường Tiểu học thôn Chinh xã Xuân Chinh					
1	Đất	m ²	2.252	2008	855.750.000	855.750.000
2	Nhà	m ²	172	2008	260.726.000	0
II	Trường Tiểu học thôn Tú Ác xã Xuân Chinh					
1	Đất	m ²	781	2005	139.060.000	139.060.000
2	Nhà	m ²	150	2005	261.115.000	0
III	Trường Mầm non thôn Hành, xã Xuân Chinh					
1	Đất	m ²	442	2005	40.020.000	40.020.000
2	Nhà	m ²	116	2005	4.336.998.127	0
IV	Trường Mầm non thôn Hành, xã Xuân Chinh					
1	Đất	m ²	336	2008	162.840.000	162.840.000

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
2	Nhà	m ²	185	2008	312.702.445	0
V	Trường Mầm non thôn Tú Ác xã Xuân Chinh					
1	Đất	m ²	310	2005	58.310.000	58.310.000
2	Nhà	m ²	204	2005	275.097.000	0
VI	Trường Mầm non thôn Tú Ác xã Xuân Chinh					
1	Đất	m ²	528	2015	89.760.000	89.760.000
2	Nhà	m ²	100	2015	148.777.282	0
VII	Trường Mầm non xã Xuân Chinh (điểm trường khu thôn Xeo)					
1	Đất	m ²	491	2005	185.300.000	185.300.000
2	Nhà	m ²	130	2005	148.777.282	0
VIII	Trường Mầm non khu Chinh					
1	Đất	m ²	425	2005	167.670.000	167.670.000
2	Nhà	m ²	105	2005	148.777.282	0
IX	Trường Tiểu học Xuân Chinh (khu thôn Hành, 01 tầng 03 phòng)					
1	Đất	m ²	1.144	2005	368.480.000	368.480.000
2	Nhà	m ²	160	2005	286.757.000	0
X	Trường Tiểu học Xuân Chinh (khu thôn Hành, 01 tầng 01 phòng)					
1	Đất	m ²	377	2005	105.560.000	105.560.000
2	Nhà	m ²	140	2005	148.777.282	0
XI	Trường Tiểu học Xuân Lệ (khu Cộc Chè)					

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Đất	m ²	3.212	2005	210.000.000	210.000.000
2	Nhà	m ²	278	2005	256.739.709	0
XII	Trường Tiểu học Xuân Lẹ (khu Đuông Bai)					
1	Đất	m ²	1.669	2005	276.000.000	276.000.000
2	Nhà	m ²	127	2005	135.000.000	0
XIII	Trường Mầm non Xuân Lẹ (thôn Bàn Tạn)					
1	Đất	m ²	570	2005	231.000.000	231.000.000
2	Nhà	m ²	52	2005	102.070.000	0
XIV	Trường Mầm non Xuân Lẹ (thôn Cộc Chẻ)					
1	Đất	m ²	1.109	2005	67.500.000	67.500.000
2	Nhà	m ²	102	2005	136.733.000	0
XV	Trường Mầm non Xuân Lẹ (thôn Dài)					
1	Đất	m ²	691	2005	37.500.000	37.500.000
2	Nhà	m ²	51	2005	102.070.000	0
XVI	Trường Mầm non Xuân Lẹ (thôn Lẹ Tà)					
1	Đất	m ²	678	2005	61.200.000	61.200.000
2	Nhà	m ²	100	2005	133.223.000	0
XVII	Trường Mầm non Xuân Lẹ (thôn Xuân Sơn)					
1	Đất	m ²	523	2005	110.400.000	110.400.000
2	Nhà	m ²	50	2005	102.070.000	0
XVIII	Trường Mầm non Xuân Lẹ (thôn Đuông Bai)					
1	Đất	m ²	744	2005	117.760.000	117.760.000
2	Nhà	m ²	101	2005	102.070.000	0

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
(12)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Hà Trung					
I	Trụ sở MTTQ, các Đoàn thể huyện Hà Trung (cũ)					
1	Đất	m ²	2.113	2018	12.000.000.000	12.000.000.000
2	Nhà	m ²	280	2018	6.921.152.000	4.983.229.440
II	Công sở UBND xã Hà Đông (cũ)					
1	Đất	m ²	6.989	1997	3.148.110.000	3.148.110.000
2	Nhà	m ²	1.227	2014	13.902.742.990	6.629.071.405
III	Công sở thị trấn Hà Trung (cũ)					
1	Đất	m ²	2.336	1991	14.553.000.000	14.553.000.000
2	Nhà	m ²	262,0	1991	217.520.000	0
IV	Trụ sở UBND Hà Lâm (cũ)					
1	Đất trụ sở	m ²	1.141	1998	319.480.000	319.480.000
2	Nhà	m ²				
V	Trụ sở UBND Hà Phong (cũ)					
1	Đất	m ²	2.664	2012	9.252.000.000	9.252.000.000
2	Nhà	m ²	554	2007	1.787.230.000	373.520.000
VI	Công sở UBND Hà Ngọc (cũ)					
1	Đất	m ²	2.269	1991	2.052.000.000	2.052.000.000
2	Nhà	m ²	314	1991	1.100.000.000	0
VII	Trường Mầm non Hà Lâm khu A (cũ)					
1	Đất	m ²	1.177	2005	1.064.760.000	1.064.760.000
2	Nhà	m ²	164	2007	1.914.002.000	0
VIII	Trường Mầm non Hà Lâm khu B (cũ)					

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Đất	m ²	2.049	2005	2.200.000.000	2.200.000.000
2	Nhà	m ²	504	2009	1.165.000.000	0
IX	Đất Nhà khách Đò lên (nhà vật tư cũ)					
1	Đất	m ²	2.509	1999	17.675.700.000	17.675.700.000
2	Nhà	m ²	466			
X	Trường Mầm non Hà Phong khu A					
1	Đất	m ²	1.430	2012	2.200.000.000	2.200.000.000
2	Nhà	m ²	603	2012	1.001.520.000	195.698.300
XI	Trường Mầm non thị trấn Hà Trung (cũ) khu A					
1	Đất	m ²	2.665	1995	8.085.000.000	8.085.000.000
2	Nhà	m ²	939	1995	801.553.000	0
(13)	Tài sản chuyển giao về UBND phường Quảng Phú					
I	Trụ sở UBND phường Quảng Thịnh (cũ)					
1	Đất	m ²	5.543,7	1998	13.859.250.000	13.859.250.000
2	Nhà	m ²	898,5	1998	1.523.317.000	0
(14)	Tài sản chuyển giao về UBND xã Yên Khương					
I	Trường Tiểu học Yên Khương (bản Tứ Chiềng, xã Yên Khương)					
1	Đất	m ²	1.733,4		180.968.000	180.968.000
2	Nhà	m ²	273,6		261.108.000	0